

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In the Guardianship/Conservatorship of:
Trong Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ:

Respondent
Bị Đơn

No. _____
Số _____

**Petition for Guardianship,
Conservatorship, or Protective
Arrangement of an Adult**
Đơn Xin Quyền Giám Hộ, Quyền Bảo Hộ hoặc Thỏa Thuận Bảo Vệ Cho Người Lớn

(PTAPGC)
(PTAPGC)

**Petition for Guardianship, Conservatorship, or Protective
Arrangement of an Adult**
Đơn Xin Quyền Giám Hộ, Quyền Bảo Hộ hoặc Thỏa Thuận Bảo Vệ Cho Người Lớn

Use this form to petition for guardianship of an adult, conservatorship for an adult, or a protective arrangement instead of guardianship or conservatorship for an adult. This form should not be used to petition for a guardianship of a minor, unless the minor turns 18 within 45 days or less of filing this petition.

Sử dụng mẫu đơn này để xin quyền giám hộ người lớn, quyền bảo hộ cho người lớn hoặc thỏa thuận bảo vệ thay cho quyền giám hộ hoặc quyền bảo hộ người lớn. Mẫu đơn này không được sử dụng để xin quyền giám hộ trẻ vị thành niên, trừ khi trẻ vị thành niên bước sang 18 tuổi trong vòng 45 ngày hoặc ít hơn kể từ ngày nộp đơn xin này.

You must file this Petition with a: Notice of Guardianship, Conservatorship, or Protective Arrangement and present an Order Appointing a Court Visitor.

Quý vị phải nộp Đơn Xin này cùng với một: Thông Báo về Quyền Giám Hộ, Quyền Bảo Hộ hoặc Thỏa Thuận Bảo Vệ và trình một Lệnh Chỉ Định Người Biện Hộ Đại Diện.

I ask the court to appoint a guardian, conservator, or make other protective arrangements for
(Respondent's name) _____.

The court should consider the following information.

Tôi yêu cầu tòa án chỉ định một người giám hộ, người bảo hộ hoặc lập thỏa thuận bảo vệ khác cho (tên Bị Đơn)

Tòa án nên xem xét thông tin sau đây.

1. Information about the Respondent: *(complete as much as possible)*

Thông tin về Bị Đơn: *(hoàn tất càng nhiều càng tốt)*

Name: _____

Tên: _____

Age: _____

Tuổi: _____

Phone number: _____

Số điện thoại: _____

Email address: _____

Địa chỉ Email: _____

Principal residence: _____

Nơi cư trú chính: _____

Street address (if different): _____

Địa chỉ đường (nếu khác): _____

[] Proposed address where the Respondent may move to if the petition is granted:

Địa chỉ được đề xuất mà Bị Đơn có thể chuyển đến nếu đơn xin được chấp nhận:

[] The Respondent has the following needs for an interpreter, translator, or other form of support to communicate with the court or understand court proceedings:

Bị Đơn có các nhu cầu sau đây về phiên dịch viên, biên dịch viên hoặc hình thức hỗ trợ khác để giao tiếp với tòa án hoặc hiểu được các thủ tục kiện tụng của tòa án:

2. Information about the Petitioner. I am a person who is interested in the Respondent's welfare.

Thông tin về Nguyên Đơn. Tôi là một người liên quan đến phúc lợi của Bị Đơn.

Name: _____

Tên: _____

Telephone Number: _____

Số Điện Thoại: _____

Principal Residence: _____

Nơi Cư Trú Chính: _____

Street Address (if different): _____

Địa Chỉ Đường (nếu khác): _____

Email address: _____

Địa chỉ Email: _____

Relationship to Respondent: _____

Mối quan hệ với Bị Đơn: _____

The Petitioner/s:

(Các) Nguyên Đơn:

☐ do **not** have a lawyer.

không có luật sư.

☐ are represented by (lawyer's name): _____

được đại diện bởi (tên luật sư): _____

Lawyer's address: _____

Địa chỉ luật sư: _____

The Petitioner's interest in this case is: _____

Quyền lợi của Nguyên Đơn trong vụ án này là: _____

3. Jurisdiction
Thẩm Quyền

☐ **Home State Jurisdiction** – The Respondent has lived in Washington for at least 6 months prior to this case being filed.

Thẩm Quyền Của Tiểu Bang Cư Trú – Bị Đơn đã sống tại Washington ít nhất 6 tháng trước khi vụ án này đang được đệ trình.

☐ **Home State Jurisdiction** – The Respondent does not live in Washington right now but Washington was the Respondent's home state sometime in the 6 months prior to this case being filed.

Thẩm Quyền Của Tiểu Bang Cư Trú – Bị Đơn không sống tại Washington ngay bây giờ nhưng đôi khi Washington là tiểu bang cư trú của Bị Đơn trong 6 tháng trước khi vụ án này đang được đệ trình.

☐ **Significant Connection Jurisdiction** – Washington is not the Respondent's home state but the Respondent has a significant connection to the state other than physical presence. Describe the Respondent's significant connection: _____

Thẩm Quyền Kết Nối Quan Trọng – Washington không phải là tiểu bang cư trú của Bị Đơn nhưng Bị Đơn có sự kết nối quan trọng với tiểu bang này ngoài việc hiện diện về mặt vật lý. Mô tả sự kết nối quan trọng của Bị Đơn: _____

- ☐ **Special Emergency Jurisdiction** – Washington is not the Respondent's home state but a court order is needed to protect the Respondent's health, safety, or welfare from substantial harm and no other person has authority and is willing to act.

Thẩm Quyền Khẩn Cấp Đặc Biệt – Washington không phải là tiểu bang cư trú của Bị Đơn nhưng cần có lệnh tòa để bảo vệ sức khỏe, an toàn hoặc phúc lợi của Bị Đơn khỏi bị tổn hại đáng kể và không có người nào khác có thẩm quyền và sẵn sàng hành động.

4. Venue
Địa Điểm

- ☐ The Respondent resides in _____ County.
Bị Đơn cư trú ở Quận _____.
- ☐ The Respondent has been admitted by court order to an institution in this County.
Bị Đơn đã bị đưa vào một cơ sở trong Quận này theo lệnh tòa.
- ☐ The Respondent owns property in _____ County.
Bị Đơn sở hữu tài sản trong Quận _____.
- ☐ The Respondent owns property in _____ County
but does not reside in Washington.
*Bị Đơn sở hữu tài sản trong Quận _____ nhưng
không cư trú ở Washington.*

5. Names and addresses of people important to the Respondent
Tên và địa chỉ những người quan trọng đối với Bị Đơn

I have included the names and addresses of people important to the Respondent in Appendix A. Appendix A is made part of this *Petition* (incorporated by reference).
Tôi đã đưa tên và địa chỉ những người quan trọng đối với Bị Đơn vào Phụ Lục A. Phụ Lục A là một phần của Đơn Xin này (được đưa vào bằng cách tham chiếu).

6. Why does the Respondent need a guardian or other protective arrangement?
Vì sao Bị Đơn cần một người giám hộ hoặc thỏa thuận bảo vệ khác?

- ☐ Does not apply.
Không áp dụng.
- ☐ Describe why the Respondent needs a guardianship or other protective arrangement (*what help does the Respondent need and what is the extent of their need*):
Mô tả lý do vì sao Bị Đơn cần một người giám hộ hoặc thỏa thuận bảo vệ khác (dịch vụ trợ giúp nào Bị Đơn cần và mức độ cần thiết của họ như thế nào)

Describe what is currently in place to meet Respondent's needs (*for example, supported decision-making, technological assistance, durable power of attorney for*

health care or for finances, or representative payee to manage government benefits.): _____

Mô tả những gì hiện đang được áp dụng để đáp ứng nhu cầu của Bị Đơn (ví dụ: hỗ trợ ra quyết định, hỗ trợ công nghệ, ủy quyền lâu dài về chăm sóc sức khỏe hoặc tài chính, hay người thụ hưởng đại diện để quản lý các phúc lợi chính phủ.):

If no alternative has been considered or tried, state why not. _____

Nếu không có giải pháp thay thế đã được xem xét hoặc thử, hãy nêu rõ lý do vì sao không.

Even though the Respondent made protective arrangements, I believe the court needs to sign an order to confirm or modify the protective arrangements in the following way: _____

Mặc dù Bị Đơn đã lập các thỏa thuận bảo vệ, tôi tin rằng tòa án cần phải ký lệnh để xác nhận hoặc sửa đổi các thỏa thuận bảo vệ theo cách sau:

[] The Respondent needs a guardian because:

Bị Đơn cần một người giám hộ bởi vì:

- (1) The Respondent lacks the ability to meet essential requirements for physical health, safety, or self-care because the Respondent is unable to receive and evaluate information or make or communicate decisions, even with appropriate supportive services, technological assistance, or supported decision making;
Bị Đơn thiếu khả năng đáp ứng các yêu cầu thiết yếu về sức khỏe thể chất, an toàn hoặc khả năng tự chăm sóc bởi vì Bị Đơn không thể tiếp nhận và đánh giá thông tin hoặc đưa ra hay truyền đạt quyết định, ngay cả với các dịch vụ hỗ trợ phù hợp, hỗ trợ công nghệ hoặc hỗ trợ ra quyết định;
- (2) Appointment is necessary to prevent significant risk of harm to the adult Respondent's physical health, safety, or self-care; and
Sự chỉ định là cần thiết để ngăn ngừa nguy cơ gây hại đáng kể đến sức khỏe thể chất, an toàn hoặc khả năng tự chăm sóc của Bị Đơn người lớn;
- (3) The Respondent's identified needs cannot be met by a protective arrangement instead of guardianship or other less restrictive alternative.
Các nhu cầu đã xác định của Bị Đơn không thể được đáp ứng bằng một thỏa thuận bảo vệ thay cho quyền giám hộ hoặc giải pháp thay thế ít hạn chế hơn.

[] The Respondent needs an order for other protective arrangement. Describe the protection that would benefit the Respondent: _____

Bị Đơn cần một lệnh về thỏa thuận bảo vệ khác. Mô tả biện pháp bảo vệ sẽ đem lại lợi ích cho Bị Đơn:

7. Reasons a conservatorship or other protective arrangement is necessary
Lý do cần thiết để có quyền bảo hộ hoặc thỏa thuận bảo vệ khác

☐ Does not apply.
Không áp dụng.

☐ Describe why the Respondent needs a conservatorship or other protective arrangement (*what help does the Respondent need and what is the extent of their need*):

Mô tả lý do vì sao Bị Đơn cần một quyền bảo hộ hoặc thỏa thuận bảo vệ khác (dịch vụ trợ giúp nào Bị Đơn cần và mức độ cần thiết của họ như thế nào)

Describe what is currently in place to meet Respondent's needs (*for example, supported decision-making, technological assistance, Durable Power of Attorney for finances, or representative payee to manage government benefits*):

Mô tả những gì hiện đang được áp dụng để đáp ứng nhu cầu của Bị Đơn (ví dụ: hỗ trợ ra quyết định, hỗ trợ công nghệ, Ủy Quyền Lâu Dài về tài chính, hay người thụ hưởng đại diện để quản lý các phúc lợi chính phủ).

If no alternative has been considered or tried, state why not.

Nếu không có giải pháp thay thế đã được xem xét hoặc thử, hãy nêu rõ lý do vì sao không.

Even though the Respondent made protective arrangements, I believe the court needs to sign an order to confirm or modify the protective arrangements in the following way:

Mặc dù Bị Đơn đã lập các thỏa thuận bảo vệ, tôi tin rằng tòa án cần phải ký lệnh để xác nhận hoặc sửa đổi các thỏa thuận bảo vệ theo cách sau:

☐ The Respondent needs a conservator because:

Bị Đơn cần một người bảo hộ bởi vì:

(1) the adult is unable to manage property and financial affairs because of a limitation in the ability to receive and evaluate information or make or communicate decisions even with the use of supportive services, technological assistance, and supported decision-making, or the adult is missing, detained, or unable to return to the United States, **and**

người lớn không thể quản lý tài sản và các vấn đề tài chính do hạn chế khả năng tiếp nhận và đánh giá thông tin hoặc đưa ra hay truyền đạt quyết định ngay cả khi sử dụng các dịch vụ hỗ trợ, hỗ trợ công nghệ và hỗ trợ ra quyết định, hoặc người lớn mất tích, bị giam giữ hoặc không thể trở về Hoa Kỳ, và

- (2) appointment is necessary to avoid harm to the adult or significant dissipation of the property of the adult, or to obtain or provide funds or other property needed for the support, care, education, health, or welfare of the adult, or of an individual who is entitled to the adult's support, and protection is necessary or desirable to provide funds or other property for that purpose.

sự chỉ định là cần thiết để tránh gây hại cho người lớn hoặc làm tiêu tan đáng kể tài sản của người lớn, hay để có được hoặc cung cấp tiền hoặc tài sản khác cần thiết để hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục, sức khỏe hoặc phúc lợi của người lớn, hoặc của một cá nhân có quyền được người lớn hỗ trợ, và sự bảo vệ là cần thiết hoặc mong muốn cung cấp tiền hoặc tài sản khác vì mục đích đó.

- [] The Respondent needs an order for a protective arrangement as explained below: (describe the protection that would benefit the Respondent.)

Bị Đơn cần một lệnh về thỏa thuận bảo vệ khác như được giải thích dưới đây: (Mô tả biện pháp bảo vệ sẽ đem lại lợi ích cho Bị Đơn.)

8. Scope of Guardianship/Conservatorship Phạm Vi Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ

Important! A less restrictive alternative or other protective arrangement is preferred to guardianship or conservatorship. A limited guardianship or conservatorship is preferred to a full guardianship or conservatorship.

Quan Trọng! Một giải pháp thay thế ít hạn chế hơn hoặc thỏa thuận bảo vệ được ưu tiên hơn quyền giám hộ hoặc quyền bảo hộ. Một quyền giám hộ hoặc quyền bảo hộ có giới hạn được ưu tiên hơn quyền giám hộ hoặc quyền bảo hộ toàn diện.

I request a/n:

Tôi yêu cầu một:

- [] other protective arrangement.
thỏa thuận bảo vệ khác.

- [] limited guardianship. The guardian should have these powers: _____
quyền giám hộ có giới hạn. Người giám hộ phải có các quyền hạn sau đây:

- [] limited conservatorship. The conservator should have these powers: _____
quyền bảo hộ có giới hạn. Người bảo hộ phải có các quyền hạn sau đây:

- [] full guardianship. A full guardianship is needed instead of a more limited guardianship because: _____

quyền giám hộ toàn diện. Quyền giám hộ toàn diện là cần thiết thay vì quyền giám hộ có giới hạn hơn bởi vì:

[] full conservatorship. A full conservatorship is needed instead of a more limited conservatorship because: _____
quyền bảo hộ toàn diện. Quyền bảo hộ toàn diện là cần thiết thay vì quyền bảo hộ có giới hạn hơn bởi vì:

9. Proposed Guardian or Conservator
Người Giám Hộ hoặc Người Bảo Hộ Được Đề Xuất

I ask the court to appoint (name/s): _____
Tôi yêu cầu tòa án chỉ định ((các) tên):

[] both guardian and conservator or [] guardian or [] conservator of the Respondent because: _____
cả người giám hộ và người bảo hộ hay [-] người giám hộ hoặc [-] người bảo hộ của Bị Đơn bởi vì:

Proposed guardian/conservator/s' address: _____
Địa chỉ người giám hộ/người bảo hộ được đề xuất:

Phone Number: _____
Số Điện Thoại: _____
Email: _____
Email: _____

[] The proposed guardian and/or conservator is a lay person requiring *Lay Guardian Training*.
Người giám hộ và/hoặc người bảo hộ được đề xuất là người không chuyên đang yêu cầu Khóa Huấn Luyện Người Giám Hộ Không Chuyên.

The Respondent [] did [] did not nominate a guardian or conservator in a power of attorney or other document. The nominated guardian or conservator, if any, is (name) _____
Bị Đơn [-] đã [-] đã không đề cử một người giám hộ hoặc người bảo hộ bằng giấy ủy quyền hoặc văn kiện khác. Người giám hộ hoặc người bảo hộ được đề cử, nếu có, là (tên)

10. Respondent's Financial Information
Thông Tin Tài Chính Của Bị Đơn

The approximate value and the description of the property owned by the Respondent:
Giá trị ước tính và mô tả về tài sản do Bị Đơn sở hữu:

Assets:**Tài Sản:**

- | | |
|--|----------|
| 1. Real property: | \$ _____ |
| <i>Bất động sản:</i> | \$ _____ |
| 2. Stocks, mutual funds, and bonds: | \$ _____ |
| <i>Cổ phiếu, quỹ tương hỗ và trái phiếu:</i> | \$ _____ |
| 3. Mortgages and notes: | \$ _____ |
| <i>Tiền thế chấp và giấy báo:</i> | \$ _____ |
| 4. Bank accounts: | \$ _____ |
| <i>Tài khoản ngân hàng:</i> | \$ _____ |
| 5. Other property: | \$ _____ |
| <i>Tài sản khác:</i> | \$ _____ |
| 6. Description of other property: _____ | |
| <i>Mô tả tài sản khác:</i> | |

The total approximate value of assets is: \$ _____

Tổng giá trị tài sản ước tính là: \$ _____

The Respondent receives compensation, pension, insurance, and allowances as follows:
Bị Đơn nhận được khoản bồi thường, lương hưu, bảo hiểm và trợ cấp như sau:

Income:**Thu nhập:**

- | | | |
|---------------------------------|----------|------------------|
| 1. Social Security Benefits: | \$ _____ | per month |
| <i>Phúc Lợi An Sinh Xã Hội</i> | \$ _____ | <i>mỗi tháng</i> |
| 2. Veterans' Benefits: | \$ _____ | per month |
| <i>Phúc Lợi Cựu Chiến Binh:</i> | \$ _____ | <i>mỗi tháng</i> |
| 3. Retirement income: | \$ _____ | per month |
| <i>Thu nhập hồi hưu:</i> | \$ _____ | <i>mỗi tháng</i> |
| 4. _____: | \$ _____ | per month |
| | \$ _____ | <i>mỗi tháng</i> |
| 5. _____: | \$ _____ | per month |
| | \$ _____ | <i>mỗi tháng</i> |
| 6. _____: | \$ _____ | per month |
| | \$ _____ | <i>mỗi tháng</i> |
| 7. _____: | \$ _____ | per month |
| | \$ _____ | <i>mỗi tháng</i> |

The total approximate income is: \$ _____ per month

Tổng thu nhập ước tính là: \$ _____ *mỗi tháng*

11. Waiver of Filing Fee**Bãi Miễn Phí Nộp Đơn**

[] I do not ask the court to waive the filing fee.
Tôi không yêu cầu tòa án bãi miễn phí nộp đơn.

[] I ask the court to waive the filing fee because:
Tôi yêu cầu tòa án bãi miễn phí nộp đơn bởi vì:

[] The Petitioner is the Washington State Attorney General.

Nguyên Đơn là Tổng Chương Lý Tiểu Bang Washington.

[] The Respondent has total assets of less than \$3,000.
Bị Đơn có tổng tài sản ít hơn \$3,000.

[] Payment of the filing fee would impose a hardship upon the Respondent
because: _____

Khoản chi trả phí nộp đơn sẽ gây khó khăn cho Bị Đơn bởi vì:

12. Existing or Pending Guardianships, Conservatorships, or Other Court Cases
Quyền Giám Hộ, Quyền Bảo Hộ Hiện Có hoặc Chưa Giải Quyết hay Các Vụ Án Khác

[] There **is no** guardianship or conservatorship action existing or pending in this state or any other for the Respondent.

Không có vụ án nào về quyền giám hộ hoặc quyền bảo hộ đang hiện có hoặc đang chờ xử lý ở tiểu bang này hoặc bất kỳ tiểu bang nào khác dành cho Bị Đơn.

[] There **is** a guardianship or conservatorship action existing or pending in this state or any other for the Respondent:

Có một vụ án về quyền giám hộ hoặc quyền bảo hộ đang hiện có hoặc đang chờ xử lý ở tiểu bang này hoặc bất kỳ tiểu bang nào khác dành cho Bị Đơn:

Where is the case filed? (state and county) _____

Vụ án được đệ trình ở đâu? (tiểu bang và quận)

Case number if known: _____

Số vụ án nếu biết:

Was a guardian or conservator appointed? [] Yes [] No

Một người giám hộ hoặc người bảo hộ đã có được chỉ định không? [-] Có [-] Không

If yes:

Nếu có:

Name of guardian or conservator: _____

Tên người giám hộ hoặc người bảo hộ:

Date of appointment: _____

Ngày chỉ định:

[] There are other court cases, such as protection order cases, that limit contact between the Respondent and other persons (describe):

Có các vụ án khác, như vụ án lệnh bảo vệ, hạn chế tiếp xúc giữa Bị Đơn và những người khác (mô tả):

13. Limits on the Respondent's Rights
Giới Hạn về Các Quyền Của Bị Đơn

The court should consider the following limitations to the Respondent's rights:
Tòa án nên xem xét những giới hạn sau đây về các quyền của Bị Đơn.

- [] To vote or hold an elected office.
Bỏ phiếu hoặc giữ chức vụ được bầu.
 - [] To marry, divorce, or enter into or end a state-registered domestic partnership.
Kết hôn, ly hôn hoặc thiết lập hay chấm dứt quan hệ sống chung có đăng ký tiểu bang.
 - [] To make or revoke a will.
Lập hoặc hủy bỏ di chúc.
 - [] To make their own financial decisions about money.
Đưa ra quyết định tài chính về tiền bạc.
 - [] To enter into a contract.
Ký kết hợp đồng.
 - [] To appoint someone to act on their behalf.
Chỉ định người nào đó thay mặt cho họ.
 - [] To sue and be sued, other than through a guardian.
Kiện và bị kiện, không thông qua người giám hộ.
 - [] To possess a license to drive.
Có giấy phép lái xe.
 - [] To buy, sell, own, mortgage, or lease property.
Mua, bán, sở hữu, thế chấp hoặc cho thuê bất động sản.
 - [] To consent to or refuse medical treatment.
Đồng ý hoặc từ chối điều trị bệnh.
 - [] To decide who shall provide care and assistance.
Quyết định ai sẽ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ.
 - [] To make decisions regarding social aspects of life.
Đưa ra quyết định về các khía cạnh xã hội trong cuộc sống.
 - [] The court should grant the following other limitations and restrictions:
Tòa án nên chấp nhận các giới hạn và hạn chế khác sau đây:
-
-

14. Restrictions on Respondent's Right to Communicate, Visit, Interact with Others
Các hạn chế đối với Quyền Giao Tiếp, Thăm Nom và Tương Tác với Những Người Khác của Bị Đơn

- [] Contact with the following individuals should be restricted as specified:
Liên hệ với các cá nhân sau đây phải được hạn chế theo quy định:
-
-
-

These facts support my requests. *(Please be as specific as possible. You can use more paper or attach documents if necessary.)*

Các sự kiện này chứng minh yêu cầu của tôi. (Xin càng cụ thể càng tốt. Quý vị có thể sử dụng thêm giấy hoặc đính kèm văn kiện nếu cần thiết.)

15. Nomination of Court Visitor

Đề Cử Người Biện Hộ Đại Diện

- ☐ I **am not** proposing that a specific person act as court visitor (visitor). The person appointed should be the next person on the court's list.

*Tôi sẽ **không** đề xuất một người cụ thể nào làm người biện hộ đại diện (người biện hộ). Người này được chỉ định phải là người tiếp theo trong danh sách tòa án.*

- ☐ I **am** proposing that a specific person, (name) _____ act as visitor because of these extraordinary circumstances. *(Explain):* _____

*Tôi **có** đề xuất một người cụ thể, (tên)*

làm người biện hộ bởi vì các hoàn cảnh đặc biệt này. (Giải thích):

- ☐ The visitor should be paid by the county because the Respondent's assets are less than \$3,000.

Người biện hộ phải được quận chi trả bởi vì tài sản của Bị Đơn dưới \$3,000.

- ☐ Authorize Adult Protective Services to provide verbal and/or written information to the visitor, the Petitioner (unless the Petitioner is an alleged perpetrator), any attorney for the Respondent, and any subsequently-appointed guardian or conservator.

Disclosures by Adult Protective Services should be subject to a protective order, and Adult Protective Services should have discretion to deny any request and/or to request a further court order.

Cho phép Sở Dịch Vụ Bảo Vệ Người Lớn cung cấp thông tin bằng lời nói và/hoặc bằng văn bản cho người biện hộ, Nguyên Đơn (trừ khi Nguyên Đơn là thủ phạm bị cáo buộc), bất kỳ luật sư nào của Bị Đơn và bất kỳ người giám hộ hoặc người bảo hộ nào được chỉ định sau đó. Việc tiết lộ thông tin của Sở Dịch Vụ Bảo Vệ Người Lớn phải tuân theo lệnh bảo vệ và Sở Dịch Vụ Bảo Vệ Người Lớn có quyền quyết định từ chối bất kỳ yêu cầu nào và/hoặc yêu cầu lệnh tòa tiếp theo.

Petitioner fills out below:

Nguyên Đơn điền vào dưới đây:

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true. ☐ I have attached (number): _____ pages.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong mẫu đơn này (bao gồm bất kỳ phần đính kèm nào) đều đúng sự thật.

[-] Tôi đã đính kèm (số): _____ trang.

Signed at (City and State): _____
Đã ký tại (Thành Phố và Tiểu Bang): _____

Date: _____
Ngày: _____



Person asking for this order signs here
Người đang yêu cầu lệnh này ký ở đây

Print name here
Tên viết in ở đây

The following is my contact information:
Sau đây là thông tin liên hệ của tôi:

Email: _____
Email: _____

Phone (Optional): _____
Điện Thoại (Không bắt buộc): _____

I agree to accept legal papers for this case at (check one):
Tôi đồng ý nhận giấy tờ pháp lý cho vụ án này tại (đánh dấu một mục):

☐ my lawyer's address, listed below.
địa chỉ luật sư của tôi, được liệt kê dưới đây:

☐ the following address (this does **not** have to be your home address):
địa chỉ dưới đây (địa chỉ này **không** phải là địa chỉ nhà quý vị):

Street Address or PO Box
Địa Chỉ Đường hoặc PO Box

City
Thành Phố

State
Tiểu Bang

Zip
Mã Vùng

Lawyer (if any) fills out below:
Luật sư (nếu có) điền vào dưới đây:



Lawyer signs here
Luật sư ký ở đây

Print name and WSBA No.
Tên viết in và WSBA Số

Date
Ngày

Lawyer's Street Address or PO box
Địa Chỉ Đường hoặc PO Box của Luật Sư

City
Thành Phố

State
Tiểu Bang

Zip
Mã Vùng

Email (if applicable): _____
Email (nếu có): _____

Appendix A: People Important to the Respondent

Phụ Lục A: Những Người Quan Trọng đối với Bị Đơn

Below is the name, relationship, and current address of people important to the Respondent.
Dưới đây là tên, mối quan hệ và địa chỉ hiện tại của những người quan trọng đối với Bị Đơn.

This list includes the Respondent's:

Danh sách này bao gồm những người sau đây của Bị Đơn:

- spouse, domestic partner, or an adult with whom the Respondent has shared household responsibilities for more than 6 months in the last year;
vợ/chồng, bạn tình sống chung hoặc người lớn mà Bị Đơn đã chia sẻ trách nhiệm gia đình hơn 6 tháng trong năm vừa qua;
- adult children. If there are no adult children, then adult siblings are listed.
các con trưởng thành. Nếu không có các con trưởng thành, khi đó hãy liệt kê anh chị em ruột trưởng thành;
- parents, if living and involved in the Respondent's life;
cha mẹ, nếu đang còn sống và liên quan đến cuộc sống của Bị Đơn;
- if the Respondent has no adult children, no adult siblings, and no parents, the adult nearest in kinship to the Respondent is listed;
nếu Bị Đơn không có các con trưởng thành, không có anh chị em trưởng thành và không có cha mẹ, hãy liệt kê người lớn có quan hệ họ hàng gần nhất với Bị Đơn;
- adult step children that the Respondent parented when they were minors and have continued to have a relationship with the Respondent in the last 2 years;
các con riêng trưởng thành mà Bị Đơn đã nuôi dưỡng khi họ còn là trẻ vị thành niên và vẫn tiếp tục có mối quan hệ với Bị Đơn trong 2 năm qua;
- adult caregiver;
nhân viên chăm sóc trưởng thành;
- attorney;
luật sư;
- any representative payee;
bất kỳ người thụ hưởng đại diện nào;
- guardian or conservator;
người giám hộ hoặc người bảo hộ;
- trustee or custodian of a trust or custodianship of which the Respondent is a beneficiary;
người ủy thác hoặc người giám hộ của một quỹ tín thác hoặc quyền giám hộ trong đó Bị Đơn là người thụ hưởng;
- fiduciary for the Respondent appointed by the Department of Veterans Affairs;
người được ủy thác cho Bị Đơn do Sở Sự Vụ Cựu Chiến Binh chỉ định;
- agent designated in the Respondent's Power of Attorney;
người đại diện được chỉ định trong Giấy Ủy Quyền của Bị Đơn;
- nomination of a person to serve as guardian or conservator;
để cử một người làm người giám hộ hoặc người bảo hộ;
- parent or spouse or domestic partner's nomination as a guardian or conservator in a will or other signed record; and
việc để cử của cha/mẹ hoặc vợ/chồng hay bạn tình sống chung làm người giám hộ hoặc người bảo hộ trong di chúc hoặc hồ sơ khác đã được ký; và
- assisted decision maker, meaning a person known to have routinely assisted the Respondent with decision making during the 6 months immediately before the filing of the petition.

người ra quyết định được hỗ trợ, nghĩa là một người được biết là đã thường xuyên trợ giúp Bị Đơn ra quyết định trong 6 tháng ngay trước khi nộp đơn xin.

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____
Mối Quan Hệ: _____

Address: _____
Địa Chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____

Mối Quan Hệ:

Address: _____

Địa Chỉ:

Name: _____

Tên:

Relationship: _____
Mối Quan Hệ:

Address: _____
Địa Chỉ:
